

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/9

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Buffered Listeria Enrichment Broth
Số Dành Mục	NCM0051, LAB579, 7579

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Chỉ dành cho phòng thí nghiệm.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

Thông tin khác

Sản xuất bởi:	Neogen Corporation 740 East Shiloh Lansing, MI 48912 U.S.A. Neogen Corporation 1 Quest Park-Moss Hall Road Heywood Lancashire BL97JJ UK.
---------------	---

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Acute Tox. 4: H302+H332; Repr. 1B: H360;
------------------------------------	--

2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

Tox cấp tính. 4: H302 + H332 - Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải.

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

2.2 Các yếu tố nhân

Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	Repr. 1B: H360 - Có thể gây tổn hại khả năng sinh sản hoặc thái nhi . P202 - Không xử lý cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu. P261 - Tránh hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun. P264 - Rửa thật kỹ sâu khi xử lý . P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. P271 - Chỉ ngoài trời hoặc trong một khu vực thông thoáng sử dụng. P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P312 - Nếu NUỐT: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P308+P313 - NẾU tiếp xúc hoặc liện quần: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý. P330 - Súc miệng.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia..

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Có thể tạo thành hỗn hợp bụi / không khí dễ cháy. Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường.
------------------------------------	---

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Cycloheximide	613-140-00-8	66-81-9	200-636-0		0 - 0.5%	Mutà. 2: H341; Repr. 1B: H360D; Acute Tox. 2: H300; Aquatic Chronic 2: H411;

Hình thè

	Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về môi nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khi hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sâu khi tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yều cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quần trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khi hít phải:	Có hại nếu hít. Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sâu khi tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Trong trường hợp tiếp xúc với đá	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Có hại nếu nuốt. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn. Có thể gây kích ứng niêm mạc miệng.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

	Có thể tạo thành hỗn hợp bụi / không khí dễ cháy. Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.
--	---

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

	Không hít bụi hoặc hơi. Mang thiết bị hô hấp phù hợp khi cần thiết.
--	---

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Tránh hình thành bụi. Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	--

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đựng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	--

6.4 Xem các mục khác

	Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.
--	---

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

	Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.
--	--

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

	Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

7.3 Sử dụng cụ thể

	Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.
--	--





Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	   
8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không áp dụng được
Độ pH	7.1 - 7.5
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	Không có thông tin
Điềm sôi/khoáng sôi	Không có thông tin
Điềm chớp cháy	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không áp dụng được
----------------------------------	--------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

10.2 Tính ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh xa nhiệt độ cực đoan, Độ ẩm.

10.5 Các vật liệu xung khắc

Không có thông tin.

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ngộ độc cấp tính	Có hại khi hít phải và nếu nuốt phải.
Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng cho da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Nhạy cảm	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Tác dụng gây đột biến và gây quái thai đã được tìm thấy ở động vật thí nghiệm.
Độc tính gây ung thư	Không tìm thấy là một chất gây ung thư tiềm năng trong chuyên khảo của Cơ quan Nghiên cứu Ung thư (IARC), Tập 1-123. Không được liệt kê trong Báo cáo lần thứ 14 của Chương trình Chất độc quốc gia (NTP) về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ (ACGIH) Hướng dẫn về các giá trị tiếp xúc nghề nghiệp. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Độc tính đối với sinh sản. Có thể gây tổn hại khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá muộn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.

11.1.4. Thông tin độc tính

Không có thông tin

11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

11.1.6. Tiêu chí phân loại	
	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) về phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm	
	Sâu khí tiếp xúc với mắt. Nếu nuốt phải. Sâu khí hít phải. Trong trường hợp tiếp xúc với da.
11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
11.1.10. Hiệu ứng tương tác	
	Không có thông tin.
11.1.11. Thiểu dữ liệu cụ thể	
	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất	
	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
11.1.13. Thông tin khác	
	Chú ý - chất chưa được kiểm tra đầy đủ.
Phần 12. Thông tin sinh thái học	
12.1 Độc tính	
	Không có thông tin
12.2 Tính bền vững và phân hủy	
	Không có thông tin.
12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học	
	Không có thông tin.
12.4 Tính biến đổi trong đất	
	Không có thông tin.
12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB	
	Không có thông tin.
12.6 Các ảnh hưởng có hại khác	
	Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường.
Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy	
13.1. Các phương pháp xử lý chất thải	
	Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
Phương pháp xử lý	
	Không làm nhiệm vụ rửa nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.
Xử lý bảo bì	
	Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

Phần 14. Thông tin vận chuyển

14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định

Thông tư số 04/2012/TT-BCT.

Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:

- Quốc tế--
 Công ước Basel (Chất thải nguy hại): Không áp dụng được.
 Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng.
 Nghị định thư Montréal: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Công ước Rotterdam: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Công ước Stockholm: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

--Ásía và các quốc gia ASEAN--
 Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): [382, Cycloheximide, CAS No. 66-81-9].
 Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phần phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Luật kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tuyệt vời, [Cycloheximide, CAS No. 66-81-9].
 Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, [Cycloheximide, CAS No. 66-81-9].
 Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.
 Luật Hóa chất (Việt Nam): Phụ lục V, [Potassium phosphat monobasic, CAS No. 7778-77-0].

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

	<p>--Úc và New Zealand--.</p> <p>Mã hàng nguy hiểm của Úc: Không áp dụng được.</p> <p>Kiểm kê các chất hoá học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Tồn kho hoá chất New Zealand (NZIO): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.</p> <p>Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Phụ lục XVII cho REACH: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.</p> <p>--Bắc Mỹ--.</p> <p>Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Sodium phosphat dibasic.</p> <p>Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Sodium phosphat dibasic.</p> <p>Quyền được biết của Pennsylvania: Phosphoric acid, disodium salt.</p> <p>Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>** Cư dân California xin lưu ý **.</p> <p>CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với hoá chất, bao gồm Nalidixic acid, CAS No. 389-08-2, được biết đến với Tiêu bảng California gây ung thư và Cycloheximide, CAS No. 66-81-9, được biết đến bởi Tiêu bảng California gây ra dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.</p>
--	--

Phần 16. Các thông tin khác

Các thông tin khác

Phiên bản	<p>Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 - Hình thể. 1 - Sản xuất bởi:. 2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác. 2 - Hình đồ cảnh báo nguy cơ. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ. 3 - Hình thể. 4 - Sâu khị hít phải:. 4 - Nếu nuốt phải:. 5 - 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp. 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Điểm chớp cháy). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Nhiệt độ tự bốc cháy). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Đặc tính cháy nổ). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Đặc tính oxy hoá). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ nhớt, động lực). 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ hoà tan chất béo). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Tính dẫn). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nhóm khí). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Hàm lượng benzen).
-----------	--

Buffered Listeria Enrichment Broth

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần 2019-12-17

Các thông tin khác

<p>Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn</p>	<p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Danh mục sản phẩm). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nội dung dẫn đầu). 11 - Ngộ độc cấp tính. 11 - Biến đổi tế bào gốc. 11 - Độc tính đối với sinh sản. 12 - 12.1 Độc tính. 12 - 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác. 15 - Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết. 16 - Nội dung tối đa của VOC.</p> <hr/> <p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học. LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mãlaysia). GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu. HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012). IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế. ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế. IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế. LD: Liều gây tử vong. OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ. PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép. REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất. SVHC: Chất gây lo ngại rất cao. DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ. VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
<p>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</p>	<p>Acute Tox. 2: H300 - Gây tử vong nếu nuốt phải. Mutã. 2: H341 - Bị nghi ngờ gây khuyết tật dị truyền . Đại diện 1B: H360D - Có thể gây hại cho thai nhi. Aquatic Chronic 2: H411 - Độc hại đối với đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.</p>

Thông tin khác

	<p>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI: Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	--